

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 560/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý

2. Bà Bùi Diệu Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1475/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim N, sinh năm: 1982

Địa chỉ thường trú: đường Tạ Mỹ Duật, khu phố 3, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1985

Địa chỉ thường trú: xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Tạ Mỹ Duật, khu phố 3, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 17 tháng 8 năm 2020 của bà Hồ Thị Kim N, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Hồ Thị Kim N là nguyên đơn trình bày: Vợ chồng bà sau quá trình quen biết, tự tìm hiểu nhau, đến năm 2011 bắt đầu chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2011, ngày 11/4/2011 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về tiền bạc, mặc dù vợ chồng bà chung sống với nhau nhưng tiền của ai người đó giữ. Ông Đ cũng không lo cho con và gia đình. Xuất phát từ sự thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình của ông Đ, cộng thêm những bất đồng về tài chính làm cho vợ chồng ngày càng xa cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Yến Nhi, sinh ngày 01/9/2012. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Nhi.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác nhận không có.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn xin vắng mặt. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung là trẻ Lê Yến Nhi, sinh ngày 01/9/2012 cho bà Hồ Thị Kim N nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: bà Hồ Thị Kim N xác nhận không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của bà Hồ Thị Kim N, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Lê Văn Đ có nơi cư trú tại 55B đường Tạ Mỹ Duật, khu phố 3, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Kim N có đơn xin vắng mặt, ông Lê Văn Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Đ là phù hợp.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Văn Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ không đến tòa và cũng không cung cấp ý kiến cho tòa án. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2011, ngày 11/4/2011 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét qua yêu cầu xin ly hôn bà Hồ Thị Kim N đối với ông Lê Văn Đ. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà N, ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà N là do bất đồng về tài chính, tính tình không hòa hợp, ông Đ thiếu sự quan tâm đến gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Như vậy, hai bên không đảm bảo được “tình nghĩa vợ chồng” theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Tòa án cũng đã triệu tập ông Đ đến Tòa để ông Đ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông không đến tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đ, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[6] Về con chung: Có 01 con chung tên là trẻ Lê Yên Nhi, sinh ngày 01/9/2012.

Do ông Đ vắng mặt tại tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông về việc nuôi con chung. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của trẻ Nhi, theo đó trẻ trình bày trẻ muốn sống cùng mẹ để được mẹ chăm sóc. Bà N có chỗ ở ổn định, có việc làm, có thu nhập để chăm sóc con tốt. Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội

đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N về việc yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp, nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà N tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Hồ Thị Kim N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Kim N đối với ông Lê Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2011, ngày 11/4/2011 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hồ Thị Kim N và ông Lê Văn Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Hồ Thị Kim N.

Giao con chung tên Lê Yến Nhi, sinh ngày 01/9/2012 cho bà Hồ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà N, ông Đ đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị Kim N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Hồ Thị Kim N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0062132 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh